

BA ĐÒN THỦ VÙNG TÂN CHÂU – HÙNG NGỰ THỜI NGUYỄN

Đỗ Kim Trường¹

Thời Nguyễn (gồm chung các chúa và những vua đầu vương triều), cùng với công cuộc mở đất Tây Nam bộ, trên vùng Tân Châu – Hùng (Hồng) Ngự, chính quyền đã cho xây dựng các đồn thủ nhằm trấn giữ biên cương, lập đồn điền và thu thuế. Tân Châu, Chiến Sai và Hùng Ngự là ba thủ sở trong số đó. Nhiều thư tịch cổ đã ghi nhận điều này.

1. Công cuộc mở đất Tây Nam bộ và lập đồn thủ thời chúa Nguyễn

Tiến trình mở đất Nam bộ, các chúa Nguyễn thực hiện bằng nhiều hình thức và lần lượt xác lập chủ quyền một cách hợp pháp. Trong đó, Tây Nam bộ là khu vực cuối cùng được sáp nhập vào lãnh thổ Đàng Trong và công cuộc này diễn ra qua ba mốc thời gian: năm 1679, 1708 và 1757.

Bối cảnh lịch sử những năm cuối thế kỷ XVII cho thấy, do tránh tai họa chiến tranh Trịnh – Nguyễn cùng với nạn thuế khóa nặng nề, những lưu dân người Việt từ vùng Thuận – Quảng, xuất thân từ nông dân nghèo khổ, người trốn tránh binh dịch, tù nhân bị lưu đày, binh lính đào ngũ ... bằng hai cách: tự động hoặc tham gia các đợt di dân do chúa Nguyễn tổ chức theo phương thức “dân đi trước, nhà nước theo sau”, đã vào khai khẩn vùng đất mới. Một nghiên cứu cho biết: “Trong thế kỷ XVII, nhất là vào những thập niên cuối của thế kỷ này, lưu dân người Việt cũng theo đường biển, ngược sông Tiền qua cửa Lôi Lạp, cửa Đại, cửa Tiểu, tiến vào khai phá vùng Mỹ Tho ngày nay...”²

Trong lớp cư dân mới đến vùng Tây Nam bộ vào thế kỷ XVII, còn có một số lớn người Hoa từ Quảng Đông, Quảng Tây (Trung Quốc). Phần đông là quan quân nhà Minh không chịu khuất phục triều đình Mãn Thanh đến Đàng Trong xin tỵ nạn

Sử triều Nguyễn ghi nhận, năm 1679 thời chúa Nguyễn Phúc Tần, các tướng Minh cũ gồm: Dương Ngạn Địch, Hoàng Tiến, Trần Thượng Xuyên, Trần An Bình không chịu làm tôi nhà Thanh đã đem hơn 3000 quân và hơn 50 chiến thuyền đến cửa biển Tur Dung và Đà Nẵng xin “tỵ nạn chính trị”. Chúa Hiền họp, chư thần bàn rằng: “Phong tục tiếng nói của họ đều khác, khó bề sai dung, nhưng họ bị thế cùng bức bách đến đây thì không nỡ cự tuyệt. Nay đất Đông Phố (tên cổ của Gia Định) nước Chân Lạp đồng ruộng phì nhiêu nghìn dặm, triều đình chưa rồi mà kinh lý, chi bằng nhân lấy sức của họ cho đến khai khẩn để ở, làm một việc mà lợi ba điều. Chúa theo lời bàn, bèn sai đặt yến úy lạo khen thưởng, trao cho quan chức khiến đến ở đất Đông Phố. Lại cáo dụ nước Chân Lạp rằng như thế là không có ý để nước Chân Lạp ra ngoài. Bọn Ngạn Địch đến cửa khuyết tạ ơn đi. Binh thuyền của Ngạn Địch và Hoàng Tiến vào cửa Lôi Lạp (nay thuộc Gia

¹ Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Đồng Tháp. Địa chỉ cá nhân: Đỗ Kim Trường, số nhà 39, đường Phan Chu Trinh, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. SĐT: 01254 70 10 99. Email: kimtruong.@gmail.com

² Huỳnh Lứa chủ biên (1987), *Lịch sử khai phá vùng đất Nam Bộ*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, tr 44.

Định), đến đóng ở Bàn Lân (nay thuộc Biên Hòa). Họ vỡ đất hoang, dựng phố xá, thuyền buôn của người Thanh và các nước Tây Dương, Nhật Bản, Chà Và đi lại tấp nập ...”³

Qua các sử liệu trên cho thấy, từ những thập niên cuối của thế kỷ XVII mà cụ thể là năm 1679, một phần đất Tây Nam bộ - vùng Lôi Lạp (thuộc Tiền Giang nay) đã in dấu chân của lớp cư dân khai phá đầu tiên. Họ là những lưu dân người Việt đến từ vùng Thuận – Quảng, là người Hoa trong phong trào “phản Thanh phục Minh”, ngoài ra còn có người Khome, người Chăm⁴ của nhiều thế hệ và đó cũng là mốc mở đầu công cuộc mở đất vùng Tây Nam bộ.

Tiếp đến năm 1708, Mạc Cửu với những nguyên nhân khách quan lẫn chủ quan đã dâng cho chúa Nguyễn Phúc Chu đất Hà Tiên.⁵ Sử triều Nguyễn chép: “Mậu tý, năm thứ 17 [1708] ... Lấy Mạc Cửu làm Tổng binh trấn Hà Tiên. Cửu người Lôi Châu, Quảng Đông. Nhà Minh mất, để tóc chạy sang phương Nam, đến nước Chân Lạp làm chức Ốc Nha, thấy phủ Sài Mạc ở nước ấy có nhiều người buôn các nước tụ họp, bèn mở sòng gá bạc để thu thuế gọi là hoa chi, lại được hổ bạc chôn nên thành giàu. Nhân chiêu tập dân xiêu tán đến các nơi Phú Quốc, Cần Bột, Gia Khê, Luống Cày, Hương Úc, Cà Mau (thuộc tỉnh Hà Tiên) lập thành 7 xã thôn. Thấy ở đất ấy tương truyền có người tiên thường hay hiện ra ở trên sông nhân thế đặt tên là Hà Tiên. Đến đây Cửu ủy cho người bộ thuộc là Trương Cầu và Lý Xã dâng thư xin làm Hà Tiên trưởng. Chúa thuận cho, trao cho chức Tổng binh. Cửu xây dựng dinh ngũ, đóng ở Phương Thành, nhân dân ngày càng đến đông.”⁶

Việc sáp nhập Hà Tiên đã mang lại cho công cuộc mở đất Tây Nam bộ của chúa Nguyễn thêm phần đất mới, nhưng vùng đất giữa sông Tiền và sông Hậu vẫn còn nằm dưới quyền kiểm soát của Chân Lạp với tên gọi Tầm Phong Long (vùng đất từ bắc Hà Tiên qua Châu Đốc, Sa Đéc, xuống tận mé biển Bạc Liêu)⁷, công cuộc mở đất của chúa Nguyễn vẫn chưa hoàn thành. Cùng thời điểm đó, một cuộc “đảo chính” đã nổ ra tại triều đình Chân Lạp, sử cũ ghi lại như sau: “Đình sử, năm thứ 19 [1757], ... Nặc Nguyên nước Chân Lạp chết. Người chú họ là Nặc Nhuận tạm coi việc nước. Biên thần tâu xin nhân đó lập Nhuận để tỏ ân nghĩa, cho vững biên cương. Chúa bắt phải hiến hai phủ Trà Vinh, Ba Thắc, rồi sau mới y cho. Khi ấy xảy ra việc con rể Nặc Nhuận là Nặc Hình giết Nặc Nhuận để cướp ngôi, con Nặc Nhuận là Nặc Tôn chạy sang Hà Tiên. Thống suất Trương Phước Du thừa thế tiến đánh. Nặc Hình chạy đến Tầm Phong Xuy, bị quan phiên

³ Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, tập 1, Nxb Giáo dục, tr 91.

⁴ Xem thêm: TS. Đỗ Quỳnh Nga (2013), *Công cuộc mở đất Tây Nam Bộ thời chúa Nguyễn*, Nxb Chính trị quốc gia, tiêu mục “Những lớp lưu dân người Việt đầu tiên đến với miền Tây Nam Bộ”, tr 75 – 80.

⁵ Về nguyên nhân khách quan, Mạc Cửu muốn đối phó với tham vọng chiếm Hà Tiên của Xiêm La, về chủ quan, họ Mạc muốn bảo tồn thành quả xây dựng Hà Tiên của mình và còn một yếu tố mang tính riêng tư đó là mối quan hệ giữa ông với người vợ Việt là bà Bùi Thị Lắm.

Thời gian Mạc Cửu dâng đất Hà Tiên cho chúa Nguyễn Phúc Chu có hai ý kiến: *Đại Nam thực lục* chép là năm 1708 (Xem: Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, Sđd, tr 122); *Gia Định thành thông chí* cũng chép là năm 1708 (Xem Trịnh Hoài Đức (2006), *Gia Định thành thông chí*, Nxb Tổng hợp Đồng Nai, tr 159). Riêng sách *Thế thứ các triều vua Việt Nam* ghi là năm 1714. (Xem: Nguyễn Khắc Thuần (2002), *Thế thứ các triều vua Việt Nam*, Nxb Giáo dục, tr 101); Sách *Mạc thị gia phả chép* là năm Giáp Ngọ - tức năm 1714 (Xem: Đinh đức hầu Vũ Thế Dinh, *Mạc thị gia phả*, Nguyễn Khắc Thuần dịch, giới thiệu và chú thích, Nxb Giáo dục, 2006, tr 17).

⁶ Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, Sđd, tr 122.

⁷ Xem: Trịnh Hoài Đức (2006), *Gia Định thành thông chí*, Sđd, tr 350.

Óc Nha Ưông giết chết. Bảy giờ Mạc Thiên Tứ cũng tâu giúp cho Nặc Tôn. Chúa bèn sắc phong cho Nặc Tôn làm vua nước Chân Lạp, sai Thiên Tứ cùng với tướng sĩ năm dinh hộ tống về nước. Nặc Tôn bèn dâng đất Tầm Phong Long. Phước Du và Cư Trinh tâu xin dời dinh Long Hồ đến xứ Tầm Bào (nay là thôn Long Hồ, tức là tỉnh lỵ Vĩnh Long). Lại đặt đạo Đông Khẩu ở xứ Sa Đéc, đạo Tân Châu ở Tiền Giang, đạo Châu Đốc ở Hậu Giang, lấy quân dinh Long Hồ để trấn áp...”⁸

Từ diễn biến các sự kiện đã nêu có thể nhận định: Nếu năm 1679 là mốc mở đầu cho cuộc khai phá đất đai của lưu dân người Việt ở Tây Nam bộ, năm 1708 với việc sáp nhập Hà Tiên đã mang lại cho chính quyền Đàng Trong một vùng lãnh thổ rộng lớn và giàu có, thì năm 1757 khi tiếp nhận Tầm Phong Long đánh dấu sự hoàn thành công cuộc mở đất của các chúa Nguyễn mà Nguyễn Hoàng là người tiên phong của quá trình. Đánh giá về vấn đề này, Giáo sư Phan Huy Lê đã kết luận: “Nguyễn Hoàng chỉ mới mở đất đến Phú Yên, nhưng đó là bước khởi đầu rất quan trọng để các chúa Nguyễn sau đó tiếp nối, đến giữa thế kỷ XVIII thì mở cõi vào đến tận đồng bằng sông Cửu Long. Về mặt này có thể lấy một niên đại cụ thể là năm 1757 khi toàn bộ vùng đất Nam Bộ được sáp nhập vào đất Đàng Trong thời các chúa Nguyễn. Đến đây lãnh thổ của nước Đại Việt bao gồm Đàng Trong và Đàng Ngoài về cơ bản gần như lãnh thổ Việt Nam hiện nay kể cả đất liền, hải đảo ven bờ và hai quần đảo Hoàng Sa – Trường Sa. Có thể nói, đây là mốc xác lập lãnh thổ quốc gia – dân tộc của nước Đại Việt – Việt Nam.”⁹

Cùng với công cuộc mở đất Tây Nam bộ, các chúa Nguyễn rất chú trọng việc tổ chức quân sự. Bởi vì: “Lực lượng quân sự hùng mạnh một mặt nhằm giữ gìn an ninh ở vùng đất mới để nhân dân an cư lạc nghiệp, bảo vệ được chủ quyền trên vùng đất mới, tạo nên vị thế của Đàng Trong khiến các nước trong khu vực nể trọng; mặt khác đảm bảo cho Đàng Trong thế cân bằng trong sự đối sánh với Đàng Ngoài.”¹⁰

Với nhận thức chính trị như trên, Tây Nam bộ nói chung vùng Tầm Phong Long trong đó có Tân Châu – Hồng Ngự nói riêng, ở buổi đầu nhiều phân cấp quản lý được thành lập theo hình thức quân quản như đạo, thuộc, bảo ...

“Dưới thời các chúa Nguyễn, *đạo* là phân hạt hành chánh dưới trướng và dinh, dành cho những vùng đất mới tiếp quản, mới khai hoang, dĩ nhiên là ở đây chưa có bộ máy hành chánh cơ sở hoàn chỉnh, nên phải giao cho các đơn vị quân đội quản lý (hình thức quân quản), cho đến khi thiết lập xong bộ máy quản lý hành chánh dân sự mới trở thành đơn vị hành chánh cấp huyện.”¹¹ Một số đạo được lập lúc bấy giờ như Tân Châu đạo ở Tiền Giang, Châu Đốc đạo ở Hậu Giang, Đông Khẩu đạo ở Sa Đéc, đạo Trường Đồn ở Mỹ Tho.

Thuộc là đơn vị hành chính dưới đạo, Lê Quý Đôn cho biết về cấp này như sau: “Họ Nguyễn mở mang cõi Nam, đặt ra phủ huyện các nơi gần núi rừng, dọc sông biển, thường đặt làm thuộc, cho các phường, thôn, nậu, man lẻ tẻ lệ vào, đặt nhân viên coi ộp, cũng

⁸ Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, Sdd, tr 166.

⁹ GS Phan Huy Lê – PGS TS Đỗ Bang (đồng chủ biên) (2014), *Nguyễn Hoàng – Người mở cõi*, Nxb Chính trị quốc gia, tr 534.

¹⁰ TS. Đỗ Quỳnh Nga (2013), *Công cuộc mở đất Tây Nam Bộ thời chúa Nguyễn*, Sdd, tr 308.

¹¹ Nguyễn Hữu Hiếu (2005), *Diễn trình văn hóa Đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb Thời đại, tr 22.

giống như các tổng [...]. Các viên chức trông coi thuộc không được xếp vào quan chức địa phương mà trực tiếp do Nội phủ quản lý.”¹² Thuộc Đạp (huyện Cai Lậy), thuộc Nhiều (huyện Châu Thành, Tiền Giang) là những cấp hành chính loại này.

Bảo là đồn thủ ở khu vực biên giới hoặc ở vùng đất mới, vừa để đảm bảo an ninh quốc phòng nhằm hỗ trợ cư dân người Việt trong buổi đầu khai phá vùng đất Tây Nam bộ, vừa để làm cơ sở pháp lý xác lập chủ quyền. Thư tịch cổ có ghi nhiều bảo như: Bảo Phước Thắng thuộc tỉnh Biên Hòa; bảo Quang Hóa ở Gia Định; bảo Thông Bình, Tuyên Uy, Cửu An, Trấn Nguyên và Hùng Ngự ở Định Tường. Một nghiên cứu đã xác nhận điều này: “Đặc biệt trong thế kỷ XVIII, do nhu cầu bảo đảm an ninh quốc phòng, trong khu vực do dinh Long Hồ quản lý, có rất nhiều địa điểm đồn trú của binh lính như Chợ Thủ, Rạch Ông Chường, Sa Đéc, cù lao Dao Chiêu, Hùng Thắng, Hùng Ngự, Vũng Liêm, Láng Thê, Cần Chung, Lấp Vò (Cường Oai), Trà Ôn, cù lao Tân Dinh, Bãi Ngao, Cái Lóc, Thanh Hải, Thâm Trừng, Chát Tiền ...”¹³

Từ các hình thức quân quản nêu trên, sau khi thành lập nhà Nguyễn đã chỉnh đốn tổ chức lại với các tên gọi đạo, bảo, thủ. Vùng Tân Châu – Hùng (Hồng) Ngự thời kỳ này khu vực cù lao thuộc phủ Tân Thành, tỉnh An Giang và khu vực đất liền bờ bắc sông Tiền thuộc phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Trong đó, nổi bật là đạo Tân Châu, bảo Hùng Ngự và thủ Chiến Sai.

2. Những thư tịch cổ ghi chép có liên quan về ba đồn thủ vùng Tân Châu – Hùng Ngự thời đầu triều Nguyễn.

Trong *Gia Định thành thông chí*, Trịnh Hoài Đức viết:

“Bạch Ngu Giang (Sông Trâu Trắng): Ở bờ phía bắc Tiền Giang, cách trấn về phía tây 206 dặm rưỡi [...] Cách 19 dặm đến hạ lưu sông Đốc Vạn, 3 dặm nữa đến thượng lưu sông Đốc Vạn, 20 tầm đến **đồn cũ Hùng Ngự** (Hồng Ngự), 68 dặm đến sông Hiệp Ân và **đồn mới Hùng Ngự** (Hồng Ngự).”¹⁴

“Vàm Gia (Sông Vàm Dừa): Ở thượng lưu sông Bát Chiên, [...] Sông ở trước đồn chia làm 2 nhánh: nhánh hướng tây chảy qua Ba Cầu Nôm rồi chảy ra Tiền Giang, đến thượng du đạo Tân Châu, ngược lên tới Nam Vang đến thành của quốc vương Cao Miên; nhánh hướng nam chảy xuống sông Hiệp Ân ra Tiền Giang, 70 dặm nữa đến **đồn mới Hùng Ngự** (Hồng Ngự).”¹⁵

“**Cụ Chiến Sai Thủ Sở**: Ở phía tây sông Trà Thôn 80 tầm [...] cách phía tây đạo Đông Khẩu 80 dặm, nay thủ sở ấy đã dời đi nơi khác.”¹⁶

“**Lễ Công Giang Thượng Khẩu**: Tục gọi là vàm Ông Chường; [...]. Trước cửa sông có cù lao nhỏ và nhân tên sông mà gọi tên cù lao ấy (cù lao Ông Chường), ở cách phía tây đạo Đông Khẩu 90 dặm rưỡi. Sông chảy vào nam 60 dặm rưỡi đến hạ khẩu rồi hợp lưu với Hậu Giang. Bờ phía tây có sở **thủ ngự Hùng Sai**.”¹⁷

¹² Lê Quý Đôn (1964), *Phủ biên tạp lục*, Nxb Khoa học, Hà Nội, tr 156.

¹³ Huỳnh Lứa chủ biên (1987), *Lịch sử khai phá vùng đất Nam Bộ*, Sđd, tr 69 – 70.

¹⁴ Trịnh Hoài Đức (2006), *Gia Định thành thông chí*, Sđd, tr 60.

¹⁵ Trịnh Hoài Đức (2006), *Gia Định thành thông chí*, Sđd, tr 62.

¹⁶ Trịnh Hoài Đức (2006), *Gia Định thành thông chí*, Sđd, tr 80.

¹⁷ Trịnh Hoài Đức (2006), *Gia Định thành thông chí*, Sđd, tr 80.

“Dinh Châu: Tục gọi là cù lao Giêng, ở thượng lưu Tiền Giang, cách trấn về phía tây 117 dặm. Trước kia là đất thuộc **đạo Tân Châu**, ở đây có dân cư của 4 thôn: Toàn Đức, Mỹ Hưng, Toàn Đức Đông và Phú Hưng ...”¹⁸

“Long Sơn Châu: Tục gọi là cù lao Cái Vừng, ở thượng lưu Tiền Giang [...] bờ phía tây là **đồn mới Tân Châu**, bờ phía đông là đồn mới Chiến Sai, bờ phía bắc là **đồn mới Hùng Ngự** (Hồng Ngự), ...”¹⁹

Đại Nam thực lục chép: “Kỷ mao, Gia Long năm thứ 18 [1819] ... Sai trấn Vĩnh Thanh đắp hai **bảo Tân Châu** và **Chiến Sai**; lại ở thủ sở cũ Châu Đốc đắp một bảo gọi là bảo Châu Giang. Bảo đắp xong, điều động lính cơ bốn trấn hạt Gia Định, chia phiên đóng giữ. (Bảo Tân Châu 40 người, bảo Châu Giang, bảo Chiến Sai, mỗi bảo 30 người). Lấy Cai cơ Võ Văn Sáng giữ bảo Tân Châu kiêm quản bảo Chiến Sai, theo quyền quản hạt của Vĩnh Thanh. Cai đội Trần Văn Ngoan giữ bảo Châu Giang, theo quyền quản hạt của Châu Đốc.”²⁰

Đại Nam nhất thống chí ghi về các đồn thủ vùng này như sau:

“Sông Vàm Dừa: Ở phía Tây huyện Kiến Hưng 213 dặm, là thượng lưu sông Bát Chiên, làm ranh giới cực Tây cho tỉnh. Khi trước có đặt thủ Phong Kha Minh, nay là bảo Trấn Nguyên để phòng người Hán và người Man. Năm Gia Long thứ 18 (1819), dời thủ Thông Bình đến Vàm Dừa tiếp giáp Cao Man, viễn ứng với **đạo Tân Châu** ở Tiền Giang để tiện báo tin ngoài quan ải. Phía Tây chia thành hai nhánh: Nhánh phía Tây chảy qua Ba Càn, theo hướng Nam, đổ ra Tiền Giang, ngang thượng lưu **đạo Tân Châu**, ngược dòng đến sông Nam Vang. Nhánh phía Nam xuống đến sông Hiệp Ân, chảy ra Tiền Giang 70 dặm, đến **thủ sở Hùng Ngự**.”²¹

“Sông Bạch Ngưu: Ở phía Tây huyện Kiến Phong 11 dặm, cũng ở bờ phía Bắc sông Tiền Giang. Sông rộng 11 trượng năm thước, khi nước lên sâu 14 thước, nước ròng sâu chín thước. Từ cửa sông chảy theo hướng Bắc 40 dặm, đến chằm Bi, 19 dặm đến sông Đốc Vạn Hạ, ba dặm đến sông Đốc Vạn Thượng; lại 10 trượng nữa đến **cự sở Hùng Ngự**, 16 dặm đến sông Hợp Ân.”²²

“Sông Tân Châu: Ở bên cạnh huyện lỵ Đông Xuyên. Đường sông từ **bảo Tân Châu** ở Tiền Giang thông đến thủ Châu Giang ở Hậu Giang, dài hơn 550 trượng; ...”²³

“Sông Lễ Công: Ở phía nam huyện Đông Xuyên [...] Bờ phía Tây có **thủ sở Hùng Sai cũ**....”²⁴

“**Bảo Hùng Ngự**: Ở phía Tây huyện Kiến Đăng 91 dặm, **phía Đông rạch Hiệp Ân** [chúng tôi nhân mạnh – ĐKT], chu vi 36 trượng hai thước, cao bốn thước, có hai cửa. Đầu năm Gia Long, đặt trụ sở của **đạo** ở miền Đốc Vạn Thượng và Đốc Vạn Hạ, sau dời

¹⁸ Trịnh Hoài Đức (2006), *Gia Định thành thông chí*, Sđd, tr 90.

¹⁹ Trịnh Hoài Đức (2006), *Gia Định thành thông chí*, Sđd, tr 91.

²⁰ Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, tập 1, Nxb Giáo dục, tr 981.

²¹ Quốc sử quán triều Nguyễn (2012), *Đại Nam nhất thống chí*, tập 2, Nxb Lao động, tr 1708- 1709.

²² Quốc sử quán triều Nguyễn (2012), *Đại Nam nhất thống chí*, tập 2, Sđd, tr 1710.

²³ Quốc sử quán triều Nguyễn (2012), *Đại Nam nhất thống chí*, tập 2, Sđd, tr 1756.

²⁴ Quốc sử quán triều Nguyễn (2012), *Đại Nam nhất thống chí*, tập 2, Sđd, tr 1756.

đến đây. Năm Minh Mạng thứ 18 (1837), đặt làm chỗ thu quan thuế. Năm Thiệu Trị thứ hai (1842), đắp thành đất. Năm Tự Đức thứ nhất (1848) thì bỏ.”²⁵

“**Bảo An Lạc**: Chu vi 80 trượng, cao bốn thước, ở huyện Đông Xuyên; đắp năm Thiệu Trị thứ hai (1842). Nguyên trước là thủ đạo Chiến Sai. Năm Minh Mạng thứ 21 (1840), đổi thành tên hiện nay.”²⁶

“**Bảo Tân Châu**: Chu vi 11 trượng hai thước, cao năm thước, ở huyện Đông Xuyên; đắp năm Thiệu Trị thứ hai (1842). Bảo này nguyên trước là đạo Tân Châu, lập năm Gia Long thứ hai (1803), đặt chức Đạo thủ. Năm Minh Mạng thứ bảy (1826), đặt thêm chức Hiệp thủ. Năm thứ 18 (1837), đặt làm quan sở, sau đã bỏ.”²⁷

Qua các thư tịch cổ nêu trên, tuy có khác nhau về cách ghi chép tên gọi nhưng vùng Tân Châu – Hùng Ngự thời Nguyễn đều có tên ba thủ sở: Tân Châu, Hùng Ngự, Chiến Sai (mới).

3. Ba đồn thủ vùng Tân Châu – Hùng Ngự thời đầu nhà Nguyễn.

Buổi đầu vương triều, đạo là đồn thủ quân sự lớn vùng biên giới kiêm quản một số thủ và bảo, khác với *đạo* thời chúa Nguyễn là đơn vị hành chính dưới trấn và dinh.²⁸

Trước hết là đạo Tân Châu. Theo Trịnh Hoài Đức: “Tân Châu là địa đầu trọng yếu kiêm quản cả 3 đạo Tân Châu, Chiến Sai và Hùng (Hồng) Ngự. Đạo chính thức ngày trước thuộc về thành lớn Gia Định đặt ở giữa sông Doanh Châu, phía đông là đạo Chiến Sai thuộc trấn Vĩnh Thanh, phía tây là đạo Hùng (Hồng) Ngự thuộc trấn Định Tường, hình thế như răng chó kèm nhau, để giữ lấy chỗ hiểm yếu. Năm Gia Long thứ 17 (1818), phụng chỉ dời đạo Tân Châu đến cù lao Long Sơn, dời đạo Chiến Sai đến **cửa trên sông Hiệp Ân** [chúng tôi nhấn mạnh – ĐKT], dời đạo Hùng (Hồng) Ngự đến **cửa dưới sông Hiệp Ân** [chúng tôi nhấn mạnh – ĐKT], tháng 12 Khâm mạng Tả quân phó tướng, Trấn thủ trấn Vĩnh Thanh là Nguyễn Văn Xuân đắp đồn vuông Tân Châu, mỗi mặt dài 15 trượng, cao 6 thước 5 tấc ta, chân dày 15 thước ta, đầu thu hẹp 4 thước, có hai cấp; chỗ ngay giữa của 4 mặt đồn đều đắp nhọn ra thành hình bát giác, phía trái và phải gần trước góc nhọn ấy đều có cửa làm chỗ cho biên binh phòng trú. Quy cách đồn Chiến sai cũng phỏng theo đồn này, chỉ đồn Hùng (Hồng) Ngự hơi kém hơn, chỉ để làm nơi tuần tra, chưa xây thành đồn lũy.”²⁹

Theo sử liệu trên, đạo Tân Châu lúc đầu đặt trên cù lao ở giữa sông Doanh Châu (tức cù lao Giêng), sau được dời lên cù lao Long Sơn (còn gọi cù lao Cái Vừng). *Gia Định thành thông chí* chép là Long Sơn châu (đã dẫn ở trên). Cù lao này thuộc sông Tiền, phía dưới cù lao Long Khánh, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Cù lao Long Sơn được tạo thành do một nhánh sông tách từ bờ phải sông Tiền ở phía Nam thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang và hợp lại với sông Tiền ở thị trấn Chợ Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

²⁵ Quốc sử quán triều Nguyễn (2012), *Đại Nam nhất thống chí*, tập 2, Sđd, tr 1714 – 1715.

²⁶ Quốc sử quán triều Nguyễn (2012), *Đại Nam nhất thống chí*, tập 2, Sđd, tr 1766.

²⁷ Quốc sử quán triều Nguyễn (2012), *Đại Nam nhất thống chí*, tập 2, Sđd, tr 1767.

²⁸ TS. Đỗ Quỳnh Nga (2013), *Công cuộc mở đất Tây Nam Bộ thời chúa Nguyễn*, Sđd, tr 121 và 176.

²⁹ Trịnh Hoài Đức (2006), *Gia Định thành thông chí*, Sđd, tr 219 – 220. Việc dời các đạo Tân Châu, Chiến Sai, Hùng Ngự chỉ thấy ghi trong tài liệu đã dẫn. *Đại Nam thực lục*, *Đại Nam nhất thống chí* và *Quốc triều chính biên toát yếu* không thấy chép vấn đề này.

Đại Nam nhất thống chí chép về cù lao Long Sơn (gọi là bãi Long Sơn) như sau: “Tục gọi là cù lao Cái Vừng, ở thượng lưu sông Tiền Giang, chỗ lồi chỗ lõm, có góc có cạnh, như hình đầu rồng, có thôn Tân Phú. Phía Đông là bãi Tân Tự, lại kể nữa là bãi Chà Và, giăng hình chữ nhất mà có thứ tự lớn nhỏ khác nhau. Nơi đây rừng tre dày đặc, đường nước lưu thông, **bờ phía Tây có Thủ sở Tân Châu** [chúng tôi nhấn mạnh – ĐKT], bờ phía Đông có Thủ sở mới Chiến Sai, bờ phía Bắc có Thủ sở mới Hùng Ngự, có hình thế hùng quan cứ hiểm.”³⁰

Thủ sở đạo Tân Châu khi dời lên cù lao Long Sơn sử cũ chép là *Bảo Tân Châu* và mô tả như đã nêu trên. Ở đây cần thống nhất cù lao Long Sơn, Long Sơn châu, cù lao Cái Vừng và bãi Long Sơn như ghi chép của các thư tịch đều là một. Năm 1818, khi đạo Tân Châu được dời đến cù lao Long Sơn như sử liệu đã chép thì vị trí đặt là “bờ phía Tây”, tức khu vực thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang nay.

Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Hữu Hiệp, “Tân Châu đạo chịu trách nhiệm “phòng bị kẻ gian, thu thuế buôn bán”. Vị trí của Tân Châu đạo được xem là “địa điểm yết hầu” bởi mỗi lần giặc Xiêm xâm lược, chúng thường tiến xuống từ thượng lưu sông Hậu để đánh phá thành An Giang (ở Châu Đốc) để rồi tiến thẳng xuống Vàm Nao, qua sông Tiền, sẽ thọc sâu xuống Sa Đéc, tiến ra Gia Định. Do đó nếu quân của Châu Đốc đạo không kháng cự nổi, chúng sẽ đánh phá lần lượt các tỉnh (thành) ở Vĩnh Long, Sa Đéc, Mỹ Tho, Gia Định (Sài Gòn). Cho nên Tân Châu đạo được đặt ra là để tiếp ứng Châu Đốc đạo ở Châu Đốc, hoặc nếu Châu Đốc thất thủ thì quân triều đình sẽ lui về đây cố thủ, ngăn chặn bước tiến của địch quân. [...] Sau, do thực lực quân đội của đồn Châu Đốc và trấn Hà Tiên vùng phía Tây sông Hậu đã đủ mạnh, vị trí của Tân Châu đạo ở đầu Cù lao Giêng ngày càng mờ nhạt, và thế chiến lược được dịch chuyển dần lên thượng lưu sông Tiền có lẽ trước hết Tân Châu đạo về đóng tại bảo (đồn) An Lạc³¹ ở thôn Long Sơn, sau là tổng An Lạc (Giồng Thành), rồi mới dời lên, gần sát biên giới phía này. Tại đây, do sự phát triển về giao thương giữa hai nước Việt – Miên nên, từ nhiệm vụ bảo vệ an ninh là chính, hoạt động của Tân Châu đạo nghiêng dần về mặt thuế quan (nhất là thời thuộc Pháp), dân cư ngày càng sung mãn, chợ búa được thành lập, phổ sá mọc lên san sát, vị trí đóng quân của Tân Châu đạo trở thành nơi đô hội, nay là thị trấn Tân Châu.”³²

Tác giả Nguyễn Văn Kiềm trong bài nghiên cứu “Lịch sử chùa Giồng Thành” cho biết dưới thời vua Thiệu Trị, đã cho đóng đồn lũy tại huyện Đông Xuyên tức Tân Châu ngày nay, gồm 4 bảo đất: Tân Châu, An Lạc, Châu Giang và Tân An. Trong đó, tác giả viết: “Bảo đất Tân Châu: Bảo cũng gọi là “Thổ Bảo”, (thành đắp bằng đất). Chu vi 11

³⁰ Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam nhất thống chí*, tập 2, Sđd, tr 1762 – 1763.

³¹ Về bảo An Lạc, tác giả Nguyễn Văn Kiềm trong *Lịch sử chùa Giồng Thành* cho biết như sau: “Bảo đất An Lạc: Châu vi 80 trượng, cao 4 th., ở huyện hạt Đông Xuyên; đắp năm Thiệu Trị thứ 2. Nguyên trước là Chiến Sai đạo thủ, tức chợ Thủ (Long Xuyên) hiện nay, năm Minh Mạng thứ 21 (1840) đổi làm tên này.” Và cũng tài liệu trên, tác giả ghi huyện Đông Xuyên tỉnh An Giang xưa có 4 bảo đất là: Tân Châu, An Lạc, Châu Giang và Tân An. Trong đó, tác giả viết: “Xét trong 4 bảo trên, thì 1 – 3 – 4 thuộc quận Tân Châu bây giờ.” Hiểu là các bảo Tân Châu, Châu Giang và Tân An. Còn bảo An Lạc tức thủ Chiến Sai thuộc huyện Chợ Mới. Đến năm 1818, dời lên “cửa trên sông Hiệp Ân” như *Gia Định thành thông chí* đã chép. Như vậy có thể ý kiến của Nguyễn Hữu Hiệp “Tân Châu đạo về đóng tại bảo (đồn) An Lạc” là chưa chính xác. Xin nêu lên để tiếp tục nghiên cứu. (xem: Thích Thiện Hy (2014). *Cảnh sen non trong ngày vu lan*, Nxb Hồng Đức, tr 16 và 17).

³² Xem Nguyễn Hữu Hiệp, *250 năm diên cách Tân Châu* <http://tan Chau xulua.com/index.php?showtopic=57> Truy cập ngày 16/9/2015.

trượng 2 thước, cao 5 thước ở huyện hạt Đông Xuyên; đắp năm Thiệu Trị thứ hai (1842). Bảo này nguyên trước là Tân Châu đạo, lập năm Gia Long thứ hai (1803); đặt chức Đạo thủ; năm Minh Mạng thứ 7 (1826) đặt thêm chức Hiệp thủ; năm thứ 18 (1837) đặt làm quan sở, sau đình bỏ.”³³ Tác giả viết tiếp: “Còn Bảo 1 [tức bảo đất Tân Châu – ĐKT] chính là “nền chùa Giồng Thành” hiện nay ...”³⁴

Tổng hợp các tài liệu đã dẫn, có thể xác định đạo Tân Châu được lập năm Gia Long năm thứ 2 (Quý Hợi – 1803), lúc đầu đóng ở Cù lao Giêng, đến năm Gia Long thứ 17 (Mậu dần – 1818) dời đến cù lao Long Sơn, (khu vực chùa Giồng Thành - tức Long Hưng tự, thuộc xã Long Sơn, huyện Phú Tân), sau nữa dời đến vị trí nay là thị xã Tân Châu.



Long Hưng tự (chùa Giồng Thành)
Xã Long Sơn, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang
(nguồn: Internet)

³³ Xem chú thích 25.

³⁴ Xem chú thích 25.



Thị xã Tân Châu – An Giang
(Nguồn: Tân Châu xứ lụa)



Bờ kè thị xã Tân Châu – An Giang
(Nguồn: Tân Châu xứ lụa)

Thứ hai là bảo Hùng Ngự. Khảo sát các tài liệu đã dẫn ở trên đều thống nhất chi tiết thủ sở Hùng Ngự lúc đầu đóng ở rạch Đốc Vạn/Vàng, sau dời đến lưu vực sông Hiệp (Hợp) Ân. Sông này trong *Đại Nam nhất thống chí* ghi như sau: “Ở phía Tây huyện Kiến

Phong, bắt nguồn từ thôn An Phong. Chia ba nhánh: Một nhánh chảy theo hướng Nam thông với sông Cái; một nhánh chảy theo hướng Tây giáp rạch Hầu Diện Thượng; một nhánh chảy đến rạch Hầu Diện Hạ, qua bảo Thông Bình. Đến đây lại chia làm hai nhánh, một nhánh giáp rạch Tầm Điền; một nhánh giáp rạch Danh Thảo, rồi chạy theo hướng Bắc, đến bảo Trấn Nguyên, giáp huyện Kiến Hưng. Hai rạch Hầu Diện Thượng và Hầu Diện Hạ. Năm Minh Mạng thứ 14 (1833) thuộc tỉnh An Giang; năm Thiệu Trị thứ tư (1844) cắt giao tỉnh này cai quản.”³⁵

Gia Định thành thông chí chép thủ sở Hùng Ngự ở **cửa dưới sông Hiệp Ân** (đã dẫn ở trên – phần đạo Tân Châu). *Đại Nam nhất thống chí* cho biết, bảo Hùng Ngự ở **phía Đông rạch Hiệp (Hợp) Ân** (đã dẫn ở trên – phần bảo Hùng Ngự).

Từ các tài liệu trên kết hợp quan sát bản đồ Hồng Ngự (xin xem bản đồ), nhận thấy con sông ở vị trí trùng với biên giới Việt Nam – Cambodia chảy xuống phía Nam để hợp lưu với sông Tiền (vị trí Long Bình, Nguyễn Huệ) đó là sông Hiệp (Hợp) Ân. Sông này, phía thượng lưu gần biên giới Campuchia chia làm ba nhánh: nhánh hướng Tây là rạch Hầu Diện Thượng (Sở Thượng), nhánh hướng Đông là rạch Hầu Diện Hạ (Sở Hạ) và nhánh hướng Nam, tức rạch Hiệp Ân đến hoà dòng với sông Tiền. Rạch Hầu Diện Hạ sau một đoạn lại chia hai nhánh: nhánh chảy xuống phía Nam gần giáp Quốc lộ 30 là rạch Tầm Điền và sau một đoạn quanh co rạch Tầm Điền cũng nhập trở lại sông Hiệp Ân ở đoạn hạ lưu; nhánh còn lại theo hướng Bắc là rạch Danh Thảo. Như vậy, vấn đề sông Hiệp (Hợp) Ân đã được xác định. Hiện nay dân địa phương đã đồng nhất rạch Hầu Diện Thượng và rạch Hiệp Ân là sông Sở Thượng, có cầu Sở Thượng nối đôi bờ phường An Thạnh và phường An Lạc.³⁶



Bản đồ Hồng Ngự
(Nguồn: Wikipedia)

³⁵ Quốc sử quán triều Nguyễn (2012), *Đại Nam nhất thống chí*, tập 2, Sdd, tr 1712.

³⁶ Xem: Bản đồ hành chính Đồng Tháp 2005 trong: Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Tháp (2014), *Địa chí tỉnh Đồng Tháp*, Nxb Trẻ, tr 100 và phần viết về sông Sở Thượng, sông Sở Hạ ở tr 122 – 123.



Cầu Sở Thượng nhìn từ phường An Thạnh, thị xã Hồng Ngự
(Nguồn: Wikipedia)

Theo các cứ liệu trên và quan sát trên thực địa cho thấy vị trí của bảo Hùng Ngự khi dò đến điểm mới có thể là khu vực Mekong Resort hiện nay. Địa điểm này đúng với các sử liệu trên đã ghi chép, vì nó nằm ở **cửa dưới sông Hiệp Ân** (tức sông Sở Thượng nay) và ở về **phía Đông của sông trên**. Nơi đây là ngã ba hợp lưu giữa sông Sở Thượng với sông Tiên, một vị trí đôn thủ đặc địa bên bờ sông để ngăn ngừa sự tấn công của quân Chân Lạp bằng đường thủy từ Nam Vang xuống. Đồng thời, nơi đây trước 1975 là dinh Quận trưởng Hồng Ngự. Trụ sở công quyền này là sự kế thừa thủ sở công quyền Hùng Ngự thời quân chủ trước đó. Điều này cũng thấy ở nhiều nơi trên vùng đất Tây Nam bộ như thị xã Tân Châu, thành phố Châu Đốc nay đóng trên khu vực các thủ sở xưa. Với những luận cứ như trên, có thể xác định vị trí bảo Hùng Ngự xưa, nay là địa điểm Mekong Resort thuộc phường An Thạnh, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.



Mekong Resort hiện nay – Thủ sở bảo Hùng Ngự xưa
(Nguồn: Wikipedia)



**Nhà hàng Lộc Nhật – Lộc Phát trong khu Mekong Resort
Nguyên là Dinh Quận trưởng Hồng Ngự (trước năm 1975)
(Nguồn: Wikimapia)**

Như vậy, bảo Hùng Ngự được thành lập năm Gia Long nguyên niên (Nhâm tuất – 1802), lúc đầu đóng ở vàm rạch Đốc Vàng (nay thuộc huyện Thanh Bình), năm Gia Long thứ 17 (Mậu dần – 1818) dời đến vị trí mới, nay là khu Mekong Resort thuộc phường An Thạnh, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

3.3 Thứ ba là thủ Chiến Sai (mới). Gia Định thành thông chí (đã dẫn ở trên) cho biết thủ này ở phía Tây sông Trà Thôn 80 tầm, cách đạo Đông Khẩu 80 dặm.

Theo nhà văn Sơn Nam “Chiến Sai là Chợ Thủ, còn gọi Chiến Sai Thủ. Gọi Chợ Thủ vì nơi đây có đóng đồn (thủ là đồn kiểm soát sông rạch), người dân tộc Khmer gọi Kiến Sài, theo nghĩa chòm cây xoài (kiên svai), nói trại ra Chiến Sai.”³⁷ “Chợ Thủ là cứ điểm quan trọng, trước gọi Chiến Sai đạo thủ, được Minh Mạng đổi tên là bảo An Lạc; đổi diện bên kia sông Tiền. Ở vàm rạch Đốc Vàng là thủ Hùng Đạo (đời Tự Đức, Đốc Vàng thuộc tỉnh Định Tường). Đốc Vàng, Chợ Thủ và Tân Châu là 3 cứ điểm để giữ vùng Cù lao Giêng ...”³⁸

³⁷ Sơn Nam (2009), *Tìm hiểu đất Hậu Giang và Lịch sử đất An Giang*, Nxb Trẻ, tr 169.

³⁸ Sơn Nam (2009), *Tìm hiểu đất Hậu Giang và Lịch sử đất An Giang*, Sđd, tr 174.



Đình Chợ Thù, xã Long Điền A, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang
(ảnh: Mỹ Ái)

Đại Nam nhất thống chí chép về bảo An Lạc như trên đã dẫn, chu vi 80 trượng, cao bốn thước, đắp năm Thiệu Trị thứ hai (1842) và cho biết thêm: “*Nhất thống địa dư chí nói*: Giữa sông là địa đầu Doanh Châu, có thủ chính Tân Châu, bờ phía hữu châu ấy có lạch Đốc Vàng tức là thủ Hùng Đạo thuộc địa giới tỉnh Định Tường, cùng thủ đạo Chiến Sai đều thuộc đạo Tân Châu cai quản. Ba đạo này để phòng bị kẻ gian tế, coi thu thương thuế và kiểm sát gian thương, nơi đây chính là chỗ yết hầu quan trọng.”³⁹

Về vấn đề di dời thủ Chiến Sai, *Gia Định thành thông chí* cho biết địa điểm mới dời đến thuộc **cửa trên sông Hiệp Ân** (đã dẫn ở trên – phần đạo Tân Châu). Sông Hiệp Ân như trên đã nêu gồm rạch Hiệp Ân xưa và rạch Hậu Diện Thượng, nay gọi chung là sông Sở Thượng. Thư tịch cổ ghi thủ Chiến Sai dời đến cửa trên sông Hiệp Ân, hiểu là phần thượng nguồn của sông, tức rạch Hậu Diện Thượng xưa. Khảo sát trên thực địa, rạch Hậu Diện Thượng bắt nguồn từ nội địa Campuchia chảy xuống phía Nam đến vị trí mương Ba Nguyên (thuộc xã Thường Thới Hậu A, huyện Hồng Ngự) là điểm tiếp giáp biên giới Việt Nam. Rạch này tiếp tục chạy song song với đường biên giới Việt Nam – Cambodia (xem bản đồ Hồng Ngự) theo hướng Đông Bắc đến hợp lưu với rạch Hiệp Ân tại Ngã ba Tam giang khẩu (nay là ranh giới của phường An Thạnh, phường An Lạc và xã Tân Hội, thị xã Hồng Ngự). Trên tuyến rạch Hậu Diện Thượng hiện nay theo thứ tự từ Bắc xuống Nam có **Trạm kiểm soát biên phòng Mương Ba Nguyên** (thuộc xã Thường Thới Hậu A), **Đồn biên phòng Cầu Muống** (thuộc xã Thường Thới Hậu B) và **Trạm kiểm soát biên phòng Mộc Rá** (thị xã Hồng Ngự). Cả ba là đơn vị trú đóng của Bộ đội biên phòng Đồng Tháp. Trong đó Cầu Muống là đồn, còn Mương Ba Nguyên và Mộc Rá là trạm kiểm soát trực thuộc đồn. Ba vị trí trên đây là nơi thủ Chiến Sai dời đến?

³⁹ Quốc sử quán triều Nguyễn (2012), *Đại Nam nhất thống chí*, tập 2, Sđd, tr 1767.

Khảo sát thực địa từ Trạm kiểm soát biên phòng Mường Ba Nguyên đến Đồn biên phòng Cầu Muống dài khoảng 7 km, cư dân gọi khu vực này là *Cả Sách*. Cả Sách (cũng gọi *Cái Sách*) là một địa danh, hiện nay tại đây có một ngôi chợ biên giới cùng tên thuộc ấp Bình Hòa Thượng, xã Thường Thới Hậu A, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Theo các vị cao niên cho biết, do chợ nằm gần ngọn Cái Sách nên lúc đầu gọi là chợ Cái Sách và vì chợ được cất trên khu đất của ông Cả (không biết tên) nên trong giao tiếp dân gian cũng gọi là chợ Cả Sách. Trên chợ vài trăm mét có nền bêtông. Trước năm 1975, bốt này là chốt quân sự do quân đội Sài Gòn chiếm đóng. Sau khi đất nước thống nhất, chốt được sửa chữa nâng cấp thuộc quyền quản lý của Lực lượng Công an Nhân dân vũ trang (nay là Bộ đội biên phòng) Đồng Tháp, có tên là Trạm Mỹ Cân (tức Trạm kiểm soát biên phòng Mường Ba Nguyên nay). Trạm biên phòng Ba Nguyên trực thuộc đồn Cầu Muống.



Chợ Cả Sách
(ảnh: Phạm Văn Lâm – 2015)



Trạm kiểm soát biên phòng Mương Ba Nguyên

(ảnh: Phạm Văn Lâm – 2015)

Về đồn Cầu Muống, sách *Lịch sử bộ đội biên phòng Đồng Tháp* cho biết: “Đồn Cầu Muống (Cái Sách) (thuộc địa danh một đồn của chế độ cũ) đóng tại ấp Bình Hòa Hạ, xã Thường Thới Hậu, cách bờ sông Sở Thượng 50m, đường biên giới chạy giữa sông Sở Thượng. Từ đồn đi theo bờ hữu ngạn sông Sở Thượng về phía tây 7.000m là trạm Mỹ Tân. Trạm nằm sát bên bờ Nam mương Ba Nguyên. Đây là trạm kiểm soát cửa khẩu sông Sở Thượng, có thể phối hợp với trạm Thường Phước và đồn Cầu Ván kiểm soát biên giới đất liền từ Thường Phước đến Mỹ Tân. Đây là trạm hẻo lánh, đứng mũi chịu sào nơi “đầu sóng ngọn gió”.

Từ đồn Cầu Muống đi theo bờ hữu ngạn Sở Thượng về phía Nam 2,5 km qua bờ phía Đông, có một trạm tên là Mộc Rá thuộc xã Thường Lạc. Trạm cách đường biên giới khoảng 200m.

Đồn Cầu Muống với 2 trạm kể trên kiểm soát cửa khẩu và đường biên giới đi giữa dòng sông Sở Thượng và đoạn Mộc Rá – Cả Xu. Chính diện phụ trách của đồn 12km thuộc xã Thường Thới Hậu, xã Thường Lạc và xã Tân Hội. Phạm vi đối diện đất Campuchia có xã Koosxâmpu huyện Peamchor.”⁴⁰

Từ tài liệu trên cho biết đồn Cầu Muống còn gọi đồn Cái Sách (cũng gọi Cả Sách, phiên hiệu Đồn 913). Đồn này kiêm quản hai trạm kiểm soát Mỹ Tân (nay là Mương Ba Nguyên) và Mộc Rá. Phạm vi phụ trách của đồn là tuyến biên giới dài 12 km qua bốn xã Thường Thới Hậu A, Thường Thới Hậu B, Thường Lạc và Tân Hội. Đồn Cầu Muống là đồn chỉ huy và giữ vị trí trọng yếu của toàn tuyến.

⁴⁰ Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Đồng Tháp (2002), *Lịch sử Bộ đội biên phòng tỉnh Đồng Tháp*, Tập 1: 1976 – 1996, tr 50. Nhân đây xin cảm ơn Thiếu tá Nguyễn Văn Quỳnh, Chính trị viên Đồn biên phòng Cầu Muống đã cung cấp tài liệu cho tác giả viết bài và thầy Phạm Văn Lâm, giáo viên Trường THPT Hồng Ngự 1, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp đã hỗ trợ hình ảnh.



Đồn biên phòng Cầu Muống
(ảnh: Phạm Văn Lâm – 2015)

Tiếp tục tra cứu tài liệu để xác định vị trí mới của thủ Chiến Sai thấy *Địa chí tỉnh Đồng Tháp* ghi như sau: “Năm Gia Long thứ 17 (1818) dời lỵ sở Tân Châu lên cù lao Long Sơn (cù lao Cái Vừng tức Long Thuận, Phú Thuận bây giờ) dời lỵ sở Chiến Sai đến miệt trên sông Hiệp Ân (tức sông Sở Thượng, đồn biên phòng Cái Sách hiện nay [chúng tôi nhân mạnh- ĐKT]), dời lỵ sở Hùng Ngự đến miệt dưới sông Hiệp Ân (tức chỗ thị trấn Hồng Ngự ngày nay).”⁴¹

Đối chiếu ghi chép của *Địa chí tỉnh Đồng Tháp* với các tài liệu đã dẫn ở trên, loại bỏ sự sai biệt về cù lao Cái Vừng tức “Long Thuận, Phú Thuận bây giờ” thì các chi tiết còn lại đều thống nhất. Đồng thời, qua đó còn cho biết vị trí mới của thủ Chiến Sai là đồn biên phòng Cái Sách (tức đồn Cầu Muống nay).

Từ vào các cứ liệu đã nêu: Địa điểm mới của thủ Chiến Sai ở “miệt trên sông Hiệp Ân”; “Đồn Cầu Muống ... thuộc địa danh một đồn của chế độ cũ”, hiểu là thời chính quyền Sài Gòn. Đồn cũ này kế thừa thủ sở công quyền thời quân chủ trước đó; Là đồn chỉ huy, giữ vị trí trọng yếu của tuyến biên giới sông Sở Thượng, cho phép khẳng định vị trí của thủ Chiến Sai khi dời đến cửa trên sông Hiệp Ân nay là đồn biên phòng Cầu Muống (tức đồn Cái Sách), đúng như *Địa chí tỉnh Đồng Tháp* đã ghi.

Như vậy thủ Chiến Sai lúc đầu đóng ở phía Tây sông Trà Thôn (nay thuộc xã Long Điền A, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang) đến năm Gia Long thứ 17 (Mậu dần – 1818) dời đến vị trí nay là đồn biên phòng Cầu Muống (thuộc ấp Bình Hòa Hạ, xã Thường Thới Hậu B, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp).

4. Thay lời kết

⁴¹ Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Tháp (2014), *Địa chí tỉnh Đồng Tháp*, Sdd, tr 29.

Qua công cuộc mở đất Tây Nam bộ các chúa Nguyễn đã hoàn thành quá trình thống nhất đất nước, cùng với đó là đóng các đồn thủ để bảo vệ chủ quyền nơi biên giới. Vấn đề trên đã đặt cơ sở cho việc thành lập những đơn vị hành chính nhằm ổn định tổ chức bộ máy chính quyền, lập đồn điền và thu thuế. Điều này thể hiện nhãn quan chính trị của các vua nhà Nguyễn khi trừ tính sử dụng quân sự làm hậu thuẫn cho khai thác kinh tế, và ngược lại công cuộc khai hoang lập đồn điền trên vùng đất mới cũng nhằm tăng cường sự vững chắc việc xây dựng đồn thủ bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, như có ý kiến đã nhận định: “Một mục tiêu quan trọng khác của nhà Nguyễn trong việc thành lập các đồn điền ở Nam Kỳ là nhằm mục tiêu quân sự, trong đó chủ yếu là tăng cường lực lượng phòng thủ nơi biên giới. Đây là một trong những vấn đề được các vua nhà Nguyễn quan tâm trong suốt thời gian cai trị của mình.”⁴² Từ đó cho thấy ngay từ buổi đầu, để xây dựng nền móng, các vua triều Nguyễn đã ý thức rõ tầm quan trọng chiến lược của việc gắn liền chính trị – quân sự với kinh tế.

Nghiên cứu về các đồn thủ buổi đầu thời Nguyễn ở Tây Nam bộ nói chung và vùng Tân Châu – Hùng Ngự nói riêng có thể thấy điểm chung là được tổ chức khá chặt chẽ, theo hệ thống dinh, châu/đạo, thủ, bảo. Các thủ sở này có thể hỗ trợ lẫn nhau, trong đó đạo, thủ, bảo mang nặng tính chất quân sự hơn hành chính.

Những đồn thủ ở vùng Tân Châu – Hùng Ngự đã đóng vai trò tích cực trong việc giữ gìn biên cương tổ quốc, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho lưu dân khai phá vùng đất mới. Từ đó nhiều thôn xóm hình thành như An Bình, Long Khánh (Đồng Tháp), Tân Châu, Long Sơn (An Giang). Đây là những đơn vị hành chính cơ sở thành lập sớm nhất có tên trong thư tịch cổ. Trên vùng đồn thủ xưa, những lưu dân Việt cùng với các tộc người Chăm, Hoa, Khmer cộng cư vui sống chan hòa, lấy sản xuất nông nghiệp và khai thác cá sông làm sinh kế. Và chính từ nghề thủy canh này trên sông Hiệp Ân đã ra đời hai sở thuế: Sở Thượng (Hầu Diện Thượng) và Sở Hạ (Hầu Diện Hạ) để thu thuế lái buôn chở cá từ Hùng Ngự theo rạch Cái Cái, qua rạch Bát Chiên về Gia Định. Hai sở thuế trên đã đi vào thi ca: “Mặt dòn thượng hạ song song. Diện Hầu Thượng, Hạ chữ trong bộ làng. Tục kêu hai xứ rõ ràng. Sở Trên, Sở Dưới muôn ngàn đông dân.”⁴³ Cùng với đó là tiểu thủ công nghiệp mà lãnh Mỹ A từ các làng dệt Long Khánh và Tân Châu vốn nức tiếng khắp vùng ngày xưa, nay nhà thiết kế thời trang Võ Việt Chung qua các bộ sưu tập “*Có Ba xứ Việt*”, “*Huê khôi xứ Nam Kỳ*” đã đưa sản phẩm này vang danh đến tận Âu – Mỹ.

Tóm lại, từ chốn hoang vu nê địa qua công cuộc mở đất Tây Nam bộ của các chúa Nguyễn vùng Tân Châu – Hùng Ngự trở thành những đồn thủ biên giới. Bằng bàn tay, khối óc sáng tạo của bao lớp lưu dân nơi đây hình thành những làng quê trù phú và là một trong những vựa lúa của đồng bằng sông Cửu Long. Hiện nay vùng đất năm xưa đang khoát lên mình chiếc áo mới của thị xã vùng biên. Những đổi thay trong ba trăm năm hình

⁴² Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (2002), *Nam Bộ và Nam Trung Bộ - những vấn đề lịch sử thế kỷ XVII – XIX*, Kỷ yếu hội thảo khoa học, tr 125.

⁴³ Nguyễn Liên Phong, *Nam Kỳ phong tục nhơn vật điển ca*, Nxb Phát Toàn, Sài Gòn, 1909, tr 98 dẫn theo Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Tháp (2014), *Địa chí tỉnh Đồng Tháp*, Sđd, tr 176 – 177.

thành và phát triển của miền biên viễn này là công lao khai phá, dựng xây và bảo vệ của các tộc người cộng cư, trong đó người Việt giữ vai trò chủ thể. Lịch sử hình thành vùng Tân Châu – Hùng (Hồng) Ngự được ghi vào quốc sử bằng những trang như vậy.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Tháp (2014), *Địa chí tỉnh Đồng Tháp*, Nxb Trẻ.
- [2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (2002), *Nam Bộ và Nam Trung Bộ - những vấn đề lịch sử thế kỷ XVII – XIX*, Kỷ yếu hội thảo khoa học.
- [3]. Dinh đức hầu Vũ Thế Dinh, *Mạc thị gia phả*, Nguyễn Khắc Thuần dịch, giới thiệu và chú thích, Nxb Giáo dục, 2006.
- [4]. TS. Đỗ Quỳnh Nga (2013), *Công cuộc mở đất Tây Nam Bộ thời chúa Nguyễn*, Nxb Chính trị quốc gia.
- [5]. Huỳnh Lứa chủ biên (1987), *Lịch sử khai phá vùng đất Nam Bộ*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
- [6]. Lê Quý Đôn (1964), *Phủ biên tạp lục*, Nxb Khoa học.
- [7]. Nguyễn Hữu Hiệp, *250 năm diên cách Tân Châu*.
- [8]. Nguyễn Hữu Hiếu (2005), *Diễn trình văn hóa Đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb Thời đại.
- [9]. Nguyễn Khắc Thuần (2002), *Thế thứ các triều vua Việt Nam*, Nxb Giáo dục.
- [10]. GS Phan Huy Lê – PGS TS Đỗ Bang (đồng chủ biên) (2014), *Nguyễn Hoàng – Người mở cõi*, Nxb Chính trị quốc gia.
- [11]. Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, tập 1, Nxb Giáo dục.
- [12]. Quốc sử quán triều Nguyễn (2012), *Đại Nam nhất thống chí*, tập 2, Nxb Lao động.
- [13]. Sơn Nam (2009), *Tìm hiểu đất Hậu Giang và Lịch sử đất An Giang*, Nxb Trẻ.
- [14]. Thích Thiện Hỷ (2014). *Cánh sen non trong ngày vu lan*, Nxb Hồng Đức.
- [15]. Trịnh Hoài Đức (2006), *Gia Định thành thông chí*, Nxb Tổng hợp Đồng Nai.
- [16]. Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Đồng Tháp (2002), *Lịch sử Bộ đội biên phòng tỉnh Đồng Tháp*, Tập 1: 1976 – 1996, [không ghi nơi xuất bản].